

Bản án số: 119/2019/HS-PT
Ngày 21-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chiến.

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và bà Phạm Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Trần Duy Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 113/2019/TLPT-HS ngày 22 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo Đặng Văn L và Trần Văn T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2019/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đặng Văn L, sinh ngày 24/02/1989 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Thôn 4, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Thợ sửa chữa ô tô; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn B và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Trần Thị M và có 01 con; bị tạm giữ từ ngày 04/3/2019 đến ngày 13/3/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt.

2. Trần Văn T (tên gọi khác: B, N), sinh ngày 06/02/1991 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi ĐKHKTT: Thôn 3, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Thợ xăm hình; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q và bà Thái Thị Ngọc L; có vợ là H-S và có 02 con; tiền án: Ngày 21/8/2017 thực hiện hành vi “*Cố ý gây thương tích*”, bị xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp; bị tạm giữ từ ngày 04/3/2019 đến ngày 13/3/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo Đặng Văn V không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn L:* Ông Nguyễn Văn T - Luật sư của Chi nhánh Văn phòng luật sư H tại Đ; địa chỉ: Số 08 đường C, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Phạm Thiên Đ; địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Công Th; địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

2. Anh Ngô Ngọc T; địa chỉ: Số 10 đường N, phường N, quận X, thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

3. Ông Ngô Văn N; địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Thế K – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2018, Đặng Văn L đến Garage sửa chữa ô tô TP (*viết tắt là gara TP*) do anh Phạm Thiên Đ làm chủ để xin việc. Anh Đ và L thống nhất khi có khách hàng liên hệ, anh Đ sẽ thông báo cho L đến sửa chữa, anh Đ nhận tiền công từ khách hàng và chia cho L 80%, anh Đ 20%. Cuối tháng 01/2019, L đến gara TP đưa cho anh Đ bảng kê các phương tiện đã sửa chữa và đề nghị anh Đ thanh toán tiền công 9.500.000 đồng. Anh Đ không đồng ý với bảng kê và nói khách hàng chưa thanh toán tiền nên không trả tiền cho L. Sau nhiều lần đề nghị nhưng anh Đ không trả tiền nên L kể lại cho em trai là Đặng Văn V, nhờ V rủ thêm bạn đến nhà anh Đ để đòi tiền, V nhờ Trần Văn T thì T đồng ý.

Trưa ngày 20/02/2019, L, T, V hẹn gặp nhau ở quán cà phê LA tọa lạc tại tổ dân phố 05, thị trấn K, huyện Đ. Lúc này có 03 thanh niên (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) là khách hàng lần đầu đến sửa hình xăm tại tiệm của T cũng ngồi uống cà phê. L kể lại quan hệ làm ăn giữa L và anh Đ, nhờ cả nhóm cùng đi đến gara TP, mục đích để anh Đ thấy đông người sẽ sợ và trả tiền cho L, cả nhóm đi trên xe ô tô 07 chỗ do T thuê và tự lái, khi đến nơi thì gặp anh Đ tại nhà anh Đ tiếp giáp phía sau gara TP. Thấy nhóm của L đến, anh Đ đi từ trong nhà ra và ngồi xuống hiên nhà, nhóm của L đứng xung quanh anh Đ. L đưa 01 bảng kê khác cho anh Đ và tiếp tục yêu cầu anh Đ thanh toán 9.500.000 đồng. Anh Đ không đồng ý với lý do bảng đối chiếu chưa được thống nhất và khách hàng cũng chưa trả tiền, L yêu cầu anh Đ gọi điện cho khách hàng để nói chuyện. Khi anh Đ đang gọi, L giật điện thoại và bật loa ngoài để mọi người cùng nghe thì biết được khách hàng đã trả tiền. Khi cuộc gọi kết thúc, L, T, V dùng tay tát, đấm vào mặt và dùng chân đá vào hông, sườn của anh Đ, yêu cầu anh Đ trả tiền nhưng anh Đ không đồng ý. Cùng lúc này, ông Phạm Công Th (*cha của anh Đ*) ở bên cạnh nghe ồn ào nên qua, thấy anh Đ bị đánh nên ngăn cản. Ông Th nói anh Đ trả tiền, anh Đ nói không có tiền thì ông Th về nhà lấy số tiền 6.500.000 đồng đưa cho L.

L đếm và nói còn thiếu 3.000.000 đồng nên T lấy 01 tờ giấy mượn tiền đã in sẵn mẫu, ép anh Đ ghi nợ số tiền 3.000.000 đồng, hẹn đến ngày 27/02/2019 sẽ trả và ký vào giấy mượn tiền. Anh Đ không đồng ý thì nhóm của L dọa đánh nên anh Đ ghi vào giấy mượn tiền theo yêu cầu của T, sau đó đi về.

Sáng ngày 04/3/2019, do L bận nên T đón taxi đến nhà anh Đ để lấy tiền. Khi đến thấy anh Đ đang ngồi ở hiên nhà, T yêu cầu anh Đ trả tiền. Anh Đ không đồng ý vì cho rằng giấy mượn tiền là do nhóm của L ép anh viết và yêu cầu gặp L để nói chuyện. T gọi điện cho L, L gọi cho V đến nhà anh Đ. Sau đó L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát X; V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát Y chở Nguyễn Hoàng V đến nhà anh T. Khi đến nơi, L và V đi vào hiên nhà để gặp anh Đ còn Nguyễn Hoàng V ở ngoài đường. L tiếp tục đề nghị anh Đ trả 3.000.000 đồng nhưng anh Đ không đồng ý và yêu cầu đổi chiều công nợ. L dùng tay tát vào mặt anh Đ, cầm mũ bảo hiểm đánh vào đầu anh Đ; T cũng dùng tay tát anh Đ, dùng roi điện mang theo bật công tắc dọa dí vào người anh Đ; V không đánh anh Đ mà chỉ đứng nhìn. Khi anh Đ ngã xuống nền nhà, T nhặt 01 tấm ván kích thước 80x21x03 cm dọa đánh anh Đ, ép anh Đ trả tiền thì bị lực lượng Công an huyện Đắk R'Lấp bắt quả tang.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2019/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn L, Trần Văn T, Đặng Văn V phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*". Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s, r khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Văn L 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 04/3/2019 đến ngày 13/3/2019. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s, r khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm tù; chuyển hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "*Cố ý gây thương tích*" tại Bản án số: 70/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp thành tù giam, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/3/2019 đến ngày 13/3/2019 và từ ngày 24/8/2017 đến ngày 28/12/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Đặng Văn V, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 16/9/2019, bị cáo Đặng Văn L kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 18/9/2019, bị cáo Trần Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đặng Văn L và Trần Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời thừa nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, tuyên phạt các bị cáo về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng, không oan.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật theo hướng không áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn L: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 1 Điều 170; các điểm b, s, r, h khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 02 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Văn L, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận, bị cáo Đặng Văn L đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo Trần Văn T đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Khoảng 12 giờ ngày 20/02/2019, Đặng Văn L, Trần Văn T, Đặng Văn V cùng với 03 đối tượng khác đến nhà anh Phạm Thiên Đ tọa lạc tại thôn 2, xã Q, huyện Đ để đòi số tiền 9.500.000 đồng cho L. Do anh Đ không đồng ý trả tiền nên L, T, V đã dùng tay tát, đâm vào mặt và dùng chân đá vào hông, sườn của anh Đ. Ông Phạm Công Th là cha của anh Đ đã tự nguyện trả cho L số tiền 6.500.000 đồng. T lấy 01 tờ giấy mượn tiền đã in sẵn mẫu, đe dọa buộc anh Đ phải viết giấy nợ L số tiền 3.000.000 đồng. Ngày 04/3/2019, L, T, V tiếp tục đến nhà anh Đ để đòi 3.000.000 đồng nhưng anh Đ không trả nên L dùng tay tát vào mặt và dùng mũ bảo hiểm đánh vào đầu; T dùng roi điện dọa dí vào người và dùng tấm ván dọa đánh anh Đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Đặng Văn L: Bị cáo vừa là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, vừa là người thực hành tích cực. Do đó, mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết bị cáo có ông ngoại là liệt sỹ, bị cáo đã chuyển cho anh Phạm Thiên Đ số tiền 4.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền số TT1932569BQ2 ngày 21/11/2019 tại Ngân hàng S – Phòng Giao dịch K thuộc Chi nhánh Đắk Nông để bồi thường thiệt hại theo quyết định của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự đã có hiệu lực pháp luật nhưng xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù là tương xứng với tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Mặt khác, bị cáo phạm tội nhiều lần, theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP

ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo thuộc trường hợp không cho hưởng án treo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần chấp hành hình phạt đối với bị cáo Đặng Văn L.

[2.2]. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn T: Bị cáo tham gia với vai trò là người thực hành tích cực, đồng thời bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt và xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù là tương xứng với tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T.

[2.3]. Trong quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội tự thú*” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho các bị cáo là không có căn cứ, bởi lẽ: Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 04/3/2019, các bị cáo không tự khai ra hành vi phạm tội của mình vào ngày 22/02/2019 mà nội dung này do bị hại anh Phạm Thiên Đ khai báo. Tuy nhiên do không có kháng cáo, kháng nghị về nội dung này nên cấp phúc thẩm chỉ nêu ra để cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2019/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp về phần chấp hành hình phạt đối với bị cáo Đặng Văn L và phần hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 170; các điểm b, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đặng Văn L 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 04/3/2019 đến ngày 13/3/2019.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 170; các điểm b, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành

án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 04/3/2019 đến ngày 13/3/2019 và bị tạm giam từ ngày 24/8/2017 đến ngày 28/12/2017.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 21; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Đặng Văn L và Trần Văn T phải chịu mỗi bị cáo 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (*Vụ GĐKT I*);
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R'Lấp;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- CQ CSĐT CA huyện Đắk R'Lấp;
- CQ THAHS CA huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- P. HSNVCS CA tỉnh Đắk Nông;
- CQ THAHS CA tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Các bị cáo; người bào chữa; bị hại;
- người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa hình sự;
- Tổ hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Chiến